



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IVI: 271471

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHAM VAN NGHE
Last Middle First

Current Address: № 177/1/7 TẾT MẬU THÂN street, MỸ-THO/TIỀN GIANG (VIỆT-NAM)

Date of Birth: 18/8/1948 Place of Birth: Tân Phú Trung (KIẾN-HÒA)

Previous Occupation (before 1975) Second Lieutenant, chief Company 23th Battalion Ranger
(Rank & Position) Serial number: 68/004.487 - KBC: 3513

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 15/6/1975 To 16/12/1977
Years: 02 Months: 06 Days: 01

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN VĂN CHUA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
1/ PHAM VAN CHOI	Chú bác họ
2/ PHAM VAN TAM	Chú bác họ
3/ NGUYEN HUU PHUOC	Cô cậu
4/ PHAM VAN NGAN	Chú bác họ

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Tiền giang 15-1-1990
PHAM VAN NGHE
[Signature]

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAM VAN NGHE
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1/ LÊ THỊ ANH	28-11-1950	Wife
2/ PHAM LÊ VINH	10-11-1978	Son
3/ PHAM LÊ QUANG	13-8-1981	Son
4 PHAM THỊ BẠCH YẾN (tử PHAM THỊ MAI THẢO)	27-9-1974	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

PHAM THỊ BẠCH YẾN (ở với Ông Nội, ở Ấp Bình Thới,
Xã Bình Thới, Huyện Bình Đại, Tỉnh BẾN TRÉ

Làm giấy tờ là: Phạm Thị Mai Thảo, con của Phạm Thị Di (chị ruột) để làm lý lịch cho con

ADDITIONAL INFORMATION :

Yên tâm học đăc) 01. 98 khai gia đình.

- 01 released certificate
- 01 giấy giới thiệu ra trại
- 01 tương mạo quân sự
- 01 Hôn thú
- 05 khai sinh cho 5 người
- 01 thẻ nhân viên (vợ) trước năm 1975
- 01 Bằng phấp Bình
- 01 Bằng Rừng núi Sinh Lây
- 01 giấy Cầm Cước Cư của Phạm Văn Nghe
- 01 giấy chứng minh nhân dân sau 1975

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : PHAM VAN NGHÈ
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 08 18 1948
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): YES
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : No 177/1/7 TẾT MẬU THÂN Street, MỸ-THO/TIỀN GIANG (VIỆT-NAM)
 (Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 15/6/1975 To (Den): 16/12/1977

PLACE OF RE-EDUCATION: Liên trại Bộ Tham mưu Quân Khu 9
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Carpenter (Chợ mộc)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Second Lieutenant Ranger

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Chief Company, 23th Battalion Ranger

serial number 68/004487, KSC 3513 Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): YES

IV Number (So ho so): 271471

No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 04

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 177/1/7 TẾT MẬU THÂN Street

MỸ-THO/TIỀN GIANG (VIỆT NAM)

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):

NGUYỄN VĂN CHUÀ

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): YES No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien hệ voi tu nhan tai VN): Anh em chú bác họ

(10⁰ chung nhà ăn học tù như ở lớn)

NAME & SIGNATURE: _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT _____

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai của người dien don nay) _____

DATE: _____

Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : PHAM VAN NGHÈ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
V LÊ THỊ ANH	28-11-1950	Wife
2/ PHAM LÊ VINH	10-11-1978	Son
3/ PHAM LÊ QUANG	13-8-1981	Son
4/ * PHAM THỊ BACH YÊN (tự PHAM THỊ MAI THẢO)	27-9-1974	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

PHAM THỊ BACH YÊN (ở với ông nội, Ấp Bình Thới,

Xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh BẾN-TRÉ
(Lam giáy tờ là: Phạm Thị Mai Thảo, con của Phạm Thị Ái (chị ruột) đẻ đầu kỳ lịch cho con
yên thân lộc được).

ADDITIONAL INFORMATION :

- 01 giáy ra hai
- 01 giáy qidi thiêu ra hai
- 01 tưng mao quân vụ
- 01 hôn thú
- 05 khai sinh cho 5 người
- 01 thẻ nhân viên (vô) trước năm 1975
- 01. Bằng photo Bình
- 01. Bằng Bằng Quân Sinh Lây
- 01. giáy căn cước cũ của Phạm Văn Nghi
- 01. giáy chứng minh nhân dân sau 1975
- 01. Tờ khai gia đình (khu một đứa con gái lớn, vì giờ ở quê nội chưa chuyển hộ khẩu ở chung cha mẹ).

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC

Số 01991569

Họ Tên

PHẠM-VĂN-NGHỆ



Ngày, nơi sinh

18.8.1948

Tân-Phu-Trung, Kiên-Hoa

Cha

Phạm-Văn-Kinh

Mẹ

Đào-thị-Khanh

Địa chỉ

Tuyen-Nhon, Kiên-Tướng

Chiều rộng:
Tạo nhạng cách 0,5 trên
đuôi máy trái

Đao: 1 m 61

Nặng: 50 Kg

Chữ ký đương sự:

Kiến-Tước ngày 20.2.1971

TL. Trương-Ty CSQG.
Phó Trưởng-Ty

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



NGUYỄN-HOÀI-CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~310703034~~

Họ tên **PHẠM VĂN NGHÈ**



Sinh ngày **18-08-1948**

Nguyên quán **Bình Lợi**

Bình Đại, Bình Bến Tre

Nơi thường trú **10, Trịnh Hoài**

Đức, P2. Mỹ Tho, Tiền Giang

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ PHẢI

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chấm.C.2cm trên
sau cánh mũi phải



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 03 năm 1984

TRƯỜNG TY CÔNG AN

Trần Văn Huy

Số: 7/107

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi: Ủy Ban nhân dân xã Xã Bình Đại, Huyện Bình Đại
Bình Định

Phòng quản huấn xin giới thiệu anh: Phạm Văn Nghi
Nguyên là Chiều Uy quân đội nguy đã đến trình diện và học tập
cải tạo tại liên trại Bộ Tham mưu Q.K. 9 từ ngày 15 tháng 6 năm 1975.
Nay được Bộ Tư lệnh Quân khu 9 cho tạm hoãn quản huấn tập trung, trở về gia đình,
tiếp tục cải tạo tại chỗ.

Yêu cầu Ủy Ban nhân dân xã (phường) Xã Bình Đại, Huyện Bình Đại
Bình Định giáo dục và theo dõi, kiểm tra, quản lý chặt chẽ,
giúp đỡ tạo điều kiện để anh Phạm Văn Nghi trở thành người công dân
hữu ích cho xã hội.

Ngày 10 tháng 10 năm 1977
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN HUẤN



Trưởng tá: Bùi Thành Ngôn

Kác Klian.

H/s có tên Trung tại UBHC ra
đã Trung đi Khat.

Bình sai A 16/12/97

TU UBHC SA BINH



chữ

BỘ NỘI VỤ
CA. TỈNH TIỀN GIANG
Số: 443/XC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY BẢO TIN

★

Kính gửi: Ông: PHAM VĂN NGHỆ 1948

Hiện ngụ: 177/1/87 Tết Mậu Thìn - Phường 4 TP.AT.

Chúng tôi đồng ý cho Ông cùng 3

người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ

Chúng tôi đã chuyển hồ sơ và lên danh sách số 593M/CT

ngày 18-1-90 chuyển về Bộ Nội vụ để trao cho Chính phủ nước Mỹ

xét nhập cảnh.

Về việc cấp hộ chiếu: _____

Xin thông báo đề Ông rõ.

Tiền Giang, ngày 1 tháng 2 năm 1990

TL/ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Ngọc Sĩ

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

- Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính nguyên quân và nhân viên ngũ quân.
- Xét tình thân học tập cải tạo của Phạm Văn Nghệ nguyên là Thiếu úy ngũ quân, trong thời gian qua tỏ ra biết ăn năn hối cải và cố gắng phấn đấu để trở thành người có ích cho đất nước.
- Xét đơn xin bảo lãnh của Cha, Phạm Văn Kinh lập Bình Thới tổ chức sĩ quan ngũ có tên gọi trên Xã Bình Đại - Bình Đại Bến Tre.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 Cho Phạm Văn Nghệ nguyên là Thiếu úy ngũ quân được tạm ngưng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.

Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn Phạm Văn Nghệ phải chấp hành tốt quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị mình làm việc. Thời gian quản chế là một năm. Sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được chính quyền sở tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 — Phòng quản huấn Quân khu. Tại quân huấn Bộ Tham Mưu, ĐKq và đương sự chiếu quyết định thi hành.

Ngày 20 tháng 10 năm 1977



[Signature]
THƯỢNG TÁ
ĐÀN-CẢN-THÍNH

Không được vẽ ở thành phố, thị xã vùng biên giới và vùng xung yếu. Trong thời gian quản chế ở đâu do chính quyền địa phương quyết định

CHI TIẾT

- Giấy này không có giá trị đi đường
- Trong thời gian quản chế, việc quy định bao nhiêu ngày trình diện 1 lần là do chính quyền địa phương xã, phường, quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY, LÀM THÀNH 4 BẢN

- 1 — Phòng quản huấn Quân khu lưu.
- 1 — Trại quản huấn.
- 1 — Ủy ban nhân dân xã, phường, cơ quan.
- 1 — Đương sự.

GIẤY CHỨNG NHẬN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
BỘ TỒNG THAM-MUU Q.L.V N.C.H.
TỒNG-CỤC QUÂN-HUẤN
TRƯỜNG PHÁO-BÌNH
Số 7223 /TTPBHQH
1

ĐẠI-TÁ HỒ-SI-KHÁI, CHỈ HUY TRƯỞNG TRƯỜNG PHÁO-BÌNH
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chiêng niên-huấn-uy Phạm-văn-Nghê (BCH/BDQ)

Số quân 68/004.487 là theo học khóa QUÂN-BÀN-SI-QUAN / 6/69 PHÁO-BÌNH

tại Trường Pháo-Bình từ ngày 27 tháng 07 năm 1970 đến ngày 12 tháng 12 năm 1970

là trúng tuyển kỳ thi mãn khóa với kết quả:

DIỂM TRUNG BÌNH 11,50

XẾP HẠNG 25/31

Vậy cấp giấy Chứng nhận này cho đương sự để chấp chiếu và tiện dụng.

K.B.C. 4883, ngày 12 tháng 12 năm 1970.

khau

Mẫu II *Uma*



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TOÀ HONQ KIẾN HÒA

(1) Ngày 13-3-1959

Giấy thế-vi khởi sanh

cho Phạm Văn Nghè

(1) Số 114

Trích-lục văn-kIỆN thế-vi hộ-tỊCH lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà HONQ KIẾN HÒA

khởi sanh

Một bản chánh giấy thế-vi cho Phạm Văn Nghè

do Lê Xuân Kính

xin cấp đã được án Kiến Hòa

Chánh-Án Toà

13-3-1959

với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:



Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghi-định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hạch-Luật Canh-Côi sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1952 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng :

Phạm Văn Nghè, nam, sanh ngày 18-8-1948 tại xã Tân Phú Trung (Kiến Hòa) là con của Phạm Văn Kính(s) và Đào Thị Khanh (s).

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH
Kiến Hòa, ngày 27 tháng 9 năm 1969
CHÁNH LỤC-SỰ.

Ấn/kiến

Lệ phí: 5.00

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi tái trích-lục.

SL: 8116/5b.

Thg



Moyle

Lê Hồng Lân

VIỆT-NAM ĐỒNG-HÒA

THỊ - XÃ MỸ - THO

Phường **L**

Số hiệu **3382/PI**



TRÍCH-LỤC KHAI-SANH

Lập ngày 1 tháng 10 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ :	PHẠM THỊ BẠCH-YẾN
Trai hay gái :	NỮ
Ngày sinh :	Ngày hai mươi bảy tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn.
Nơi sinh :	Bào sanh viện Mỹ Tho
Tên họ cha :	PHẠM VĂN NGHỆ
Tên họ mẹ :	LÊ THỊ ANH
Vợ chánh hay không	vợ chánh
có hôn thú :	số 6/PI Phường I Thị Xã Mỹ Tho 11-1-1974.
Tên họ người khai :	Nguyễn Ngọc-Anh

TRÍCH LỤC BẢN CHÁNH

Mỹ-Tho ngày 28 tháng 10 năm 19 74

Phường Trưởng kiêm **VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH**



PHAN VĂN HAI

MIỀN LỊCH SỬ

Xã, thị trấn: PHƯỚC 7

Thị xã, quận: TP. MỸ THO

Thành phố, Tỉnh: TIỀN GIANG

GIẤY KHAI SINH

Số 085

Quyền số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	Phạm Lê Vinh		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	ngày mười, tháng mười một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi tám. " 10-11-1978 "			
Nơi sinh	Bào sanh viện Hùng Vương, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Phạm Văn Nghệ 1948		Lê Thị Ánh 20-11-1950	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Làm Ruộng		Y Tá	
Nơi ĐKNK thường trú	Ấp Bình Thới II, Xã Bình Đại, Huyện Bình Đại, Thành phố Mỹ Tho		45 Nguyễn Tri Phương, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Thị Ánh, 29 Tuổi Thường trú số: 45 Nguyễn Tri Phương, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang giấy chứng minh nhân dân số: 310037255, cấp ngày: 28-06-1978, Tại Tiền Giang.			



Đã ký ngày 21 tháng 03 năm 1979
 TM/UBND PHƯỚC 7 ký tên, đóng dấu
 (ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Tiền

Lê M

ỦY BAN NHÂN DÂN
 Xã, Thị trấn PHƯỚC 7
 Thị xã, Quận QUẢNG BÌNH
 Thành phố, Tỉnh TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHAI SINH SS 201
 Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--

HỌ và TÊN	<u>PHẠM LÊ QUANG</u> Nam, NG <u>Nam</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày mười ba tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi mốt "13 - 08 - 1961"</u>	
Nơi sinh	<u>Thưa sản bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Tiền Giang</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Phạm Văn Nho</u> <u>1946</u>	<u>Lê Thị Ánh</u> <u>1950</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp nơi ĐKNK thường trú	<u>Thợ may</u>	<u>T/M</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Xã nghiệp xã 12</u> <u>Phước Mỹ Thọ</u> <u>15 Nguyễn Tri Phương</u> <u>Thành Phố Mỹ Tho</u> <u>Tiền Giang</u>	



Đăng ký ngày 10 tháng 08 năm 1961

(Ký tên đóng dấu ghi số chức vụ)

TH. UBND. QUẢNG BÌNH 7



Commune Seal



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~0017690~~

Họ tên ^{HAI} **LÊ THỊ ANH**



Sinh ngày **28-11-1950**

Nguyên quán **Long Châu,
Châu Thành, Vĩnh Long.**

Nơi thường trú **45.Đ. Nguyễn**

Tri Phương, Mỹ Tho, Tiền Giang.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không



NGÓN TRỎ TRÁI

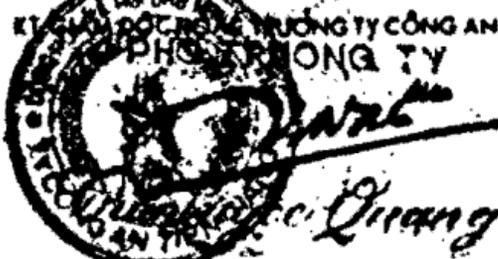


NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi C. liem dưới sau
đuôi mắt trái.

Ngày tháng năm 1978.



VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ Y-TẾ

THẺ NHÂN-VIỆN

04...../BYT



Họ và tên: **PHI-ANH**

Ngày sinh: **1950**

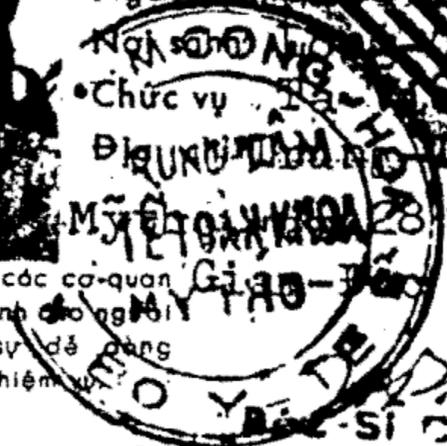
Nơi sinh: **Ấu-Vĩnh Long**

Chức vụ: **Đầu-Dưỡng**

Địa điểm: **ĐEK/MT**

Mỹ Thuật **28** tháng **1971**

Cước chủ: Yêu cầu các cơ quan
Quân và Dân sự dành cho người
mang thẻ này mọi sự dễ dàng
trong khi thực hành nhiệm vụ



ĐẶC-SĨ CHU-BÀ-BÀNG

Cao	Nặng	Thẻ căn cước: <i>Chữ ký,</i>
Số 44	40 kí	Số 02692951 <i>Khánh</i>
	Ngón trỏ trái	Cấp tại Phong-Dinh Ngày 20-11-69
	Ngón trỏ phải	<p style="text-align: center;">CƯỚC CHỦ</p> <p>Chỉ có người mang, tên đúng với hình tích kẻ trên mới được phép sử dụng thẻ này. Mọi dụng thẻ này là bất hợp pháp và sẽ bị nghiêm trị.</p> <p>Thẻ này thuộc quyền sở hữu của Bộ Y-Tế và phải hoàn lại khi thôi việc.</p> <p>Trong trường hợp thất lạc, ai nhặt được thẻ này xin vui lòng đem nộp cho Cơ-Quan Y-Tế nào gần nhất.</p>

Dấu lớn tay

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THỊ-XÃ MYTHO

TRÍCH-LỤC HÔN-THỦ

LẬP NGÀY 14 THÁNG 1 NĂM 19 74

PHƯỜNG I

SỐ HIỆU 06/PL

Tên họ chồng	:	PHẠM-VAN-NGHÈ
Ngày và nơi sinh	:	Ngày 18 tháng 8 năm 1948 tại Xã Tân-Phú-Trung KIẾN-HÒA
Tên họ cha chồng	:	Phạm-văn-Kinh (sống)
Tên họ mẹ chồng	:	Đào-thị-Khanh (chết)
Tên họ vợ	:	LÊ-THỊ-ÁNH
Ngày và nơi sinh	:	Ngày 28 tháng 11 năm 1950 tại Xã Long-Châu (VĨNH-LONG)
Tên họ cha vợ	:	Vô-danh
Tên họ mẹ vợ	:	LÊ-THỊ-LÊ
Ngày lập hôn thú	:	Ngày mười bốn tháng giêng năm một
Có lập hôn chế không	:	ngàn chín trăm bảy mươi bốn, hồi 14 giờ.

TRÍCH LỤC BẢN CHÍNH

Mỹ Tho, ngày 16 tháng 1 năm 19 74

Phường Trưởng kiêm PHƯỜNG TRƯỞNG

PHAN VĂN HAI

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ Y-TẾ

VĂN-BẰNG TÁ-VIÊN Y-TẾ QUỐC-GIA

TỔNG-TRƯỞNG Y-TẾ

- Chiếu Sắc-lệnh số 35-YT ngày 19-9-1949 ấn định chức chương Bộ-Trưởng Y-Tế;
- Chiếu Nghị định số 5282 BYT/XHCT/11/CB2/NĐ ngày 27-11-1968 và các văn kiện kế tiếp ấn định qui chế ngạch TÁ-VIÊN Y-TẾ QUỐC-GIA;
- Chiếu biên bản Hội Đồng Giám Khảo kỳ thi tốt nghiệp TÁ-VIÊN Y-TẾ QUỐC-GIA

(ngành Điều Dưỡng) lập ngày 3 tháng 8 năm 1970 tại Cần Thơ

CHỨNG NHẬN :

Cô Lê Thị Ánh

sinh ngày 28 tháng 11 năm 1950 tại Long Châu Vĩnh Long

đã trúng tuyển kỳ thi tốt nghiệp Tá-Viên Y-Tế Quốc-Gia (ngành Điều Dưỡng) khóa 4 ngày 3 tháng 8 năm 1970.

Văn bằng này do chấp chiếu và lập dụng.

Đang ký ngày 2 tháng 12 năm 1970



Bác-Sĩ LÊ-VĂN-KHÓA

[Handwritten signature]



Ngày ký ngày 21 tháng 11 năm 1970

TRẦN-MINH-TÙNG

Mỹ - Cho. ngày 1.2.1990

Kính gửi :- Bà Khuê Minh. Cho.

- Trưởng phái đoàn xét chương trình ODP cho Hội gia đình tự nhân chính trị Việt Nam.

Ông là : Chiêu uy : PHAM - VĂN - NGHỆ . Số quân : 68/004.487

Chuộc U. Chiêu Đoàn : 23 Biệt Động Quân K.B.C : 3513 đóng tại Pleiku.

- Ngày 17-3-1975 đơn vị tôi đánh nhau với Công Sản tại Phan Hạng tại Phú-Bôn, lúc đó tôi làm Đại Đội Trưởng, Đại Đội 4 Chiêu Đoàn 23 Biệt Động Quân, tôi dẫn Đại Đội đi Huyện Lầu Quân Khu II đánh tại Chiếm Quân Khuân Mãn "Bản Mè. Chuột". Sau khi tan hàng tôi làm mìn trong rừng ra Phú Bôn, hay Quan Khu Phan Rã - tôi ở đây với đơn vị về tới nhà ở Mỹ. Cho. là ngày 1.5.1975. Ra trình diện và

học tập từ ngày 26.5.1975. được về tới nhà ngày 16-12-1977 (có kèm giấy đi kẻ tạo và giấy giới thiệu về nhà có xác nhận). Học các loại về sơn mìn đến do mình khai). Khi về tập tực kẻ tạo tại địa phương rất khác khổ; chịu không nổi bỏ xứ trốn lên Mỹ - Cho, 1-1.1980 làm thủ mìn sống qua ngày, tôi từ lo hợp pháp giấy tờ tới ngày 1-1.1990 Trưởng Công An xã là Hùng Cường đã chết tôi mới dám về quê thăm lại những người thân.

Vợ : Lê Thị Dinh, trước năm 1975 là Tá Viên Điều Dưỡng Bệnh Viện Cơm - Khoa Mỹ. Cho. Sau 1975 vì nhân viên thương nên Công Sản cho làm lại và kẻ tạo tại chỗ. Đến 10.1.1990 có quan đả tạo đủ nhân viên, họ cho những vợ con thuộc thành phần cũ nghỉ việc theo chính sách giảm nhân viên. Vợ tôi phải nghỉ có quyết định, kèm theo hồ sơ.

Con :- Lúc tôi bỏ xứ lên Mỹ. Cho lãnh thêm gởi lại một đứa con gái tên là : Phạm Thị Bạch Yến, sau năm 1974 ở với ông nội cho làm con nuôi của chị tôi là : Phạm Thị Ái (đứa con này trước 1975 có lãnh trí cấp nó). Sau năm 1975 vì muốn né lý lịch của tôi để yên thân đi học, đả lại là Phạm Thị Mai Thái, con nuôi của Phạm Thị Ái (chị ruột). Vừa rồi làm hồ sơ xin xuất cảnh, phỏng vấn cảnh nội đi chúng nào gặp phái đoàn Mỹ trình bày sau, vì không cùng chung họ khác.

- Con : Phạm Lê Vinh (1978) (con trai) ở chung cha mẹ đi học.

- Con : Phạm Lê Quang (1981) - - -

- * Ông là Sĩ quan, vợ là công chức của chế độ cũ, vì ảnh hưởng lý lịch nên gia đình tôi ở đây rất là "Sá. Sút".
- * Vợ tôi và vợ tôi cũng làm hồ sơ này xin tự nạn chính trị - theo chương trình "Người tự nạn 1975" cho định cư tại Mỹ - di di thỏa hiệp giữa hai chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ là ký kết.
- * Qua đó vợ chồng tôi hiểu sẽ trả góp mọi chi phí đi và ở cho chính phủ Mỹ.

Ông là : Cho mìn thuộc hàng giỏi.

Vợ làm Tá viên điều Dưỡng 28 năm tay nghề.

- Hồ Sơ Tình Kém :-
- 01 giấy ra trại.
 - 01 giấy giới thiệu về quê.
 - 01. Tờ mìn mìn quân vụ
 - 01 hôn thú.
 - 05 khai sanh cho 5 người
 - 01 thẻ nhân viên của vợ trước 1975
 - 01 ~~quyết định~~ cho giảm nhân viên vợ
 - 01 CMND của vợ

- 01. Bằng tá viên táu Địch.
- 01. Bằng phái Binh
- 01. Bằng Rừng núi Sứ, Lầu.
- 01. Thẻ căn cước NGHỆ
- 01 CMND - NGHỆ
- 01. Bề khai hồ khác.
- 01. giấy báo tin (chứng đơn vào chi) chiếu huân cho X.C) chiếu huân X.C (Tân giang Việt Nam)

Ông Thành Thật biết ơn.
Phạm Văn Nghệ

nghe

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINHLONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Long-Châu

VINHLONG

(NAM-PHÂN)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1950
(Année)

SỐ HIỆU 1708
(Acte No)



Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lê-Thị-Ánh
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	NỮ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Hai mươi tám tháng mười một dương lịch 1950.
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Long-Châu
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	----)----
Cha làm nghề gì (Sa profession)	----(----
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	----)----
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lê-Thị-Lệ
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Buôn bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Long-Châu
Vợ chánh hay thứ (Son mariage: conjugal ou autre)	----(----

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Pour l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh-Lục-sự Toà-án sơ tại
(Greffier en Chef du Tribunal)

ngày 196
CHÁNH-ÁN.
(LE PRÉSIDENT)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Vinhlong ngày 27.2 196 9

CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF



Handwritten signature

Giá tiền: 5\$00
(Coût)

Biên-lai số: 3350 T/IO
(Quittance No)

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến _____ _____	Chuyển đến _____ _____
Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu	Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu
Chuyển đến _____ _____	Chuyển đến _____ _____
Từ ngày tháng năm	Từ ngày tháng năm

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung _____ _____	Nội dung _____ _____
Ngày tháng năm Trưởng công an	Ngày tháng năm Trưởng công an
Nội dung _____ _____	Nội dung _____ _____
Ngày tháng năm Trưởng công an	Ngày tháng năm Trưởng công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

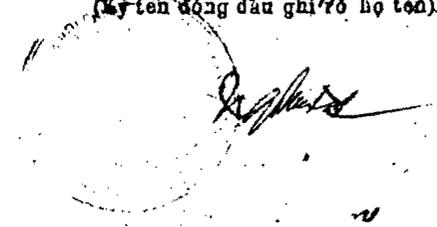
ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số 02851074

Họ và tên chủ hộ Lê Chí An
 Số nhà 177/1/7 Ngõ (hẻm) Đạt
 Đường phố Chân Quận CAND Phường 11
 Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh Chánh phủ Mỹ Tho
 Tỉnh, thành phố Quảng Trị

Ngày 08 tháng 10 năm 1986

TRƯỞNG CÔNG AN Trần Văn Thọ
 (Ký tên đóng dấu ghi rõ họ tên)



Số: 015/ĐQ.YT

Tiền giang, ngày 16 tháng 01 năm 1990

Q U Y Ế T Ạ D Ị N H

(V/v cho cán bộ công nhân viên nghỉ việc)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TIỀN GIANG

- Căn cứ chức năng quyền hạn và nhiệm vụ Sở y tế.
- Căn cứ công văn số 13/TC ngày 10 tháng 01.1990 của Ban Tổ chức Cảnh quyền Tỉnh Tiền giang giao cho Giám Đốc Sở y tế ra quyết định.
- Dựa vào đề nghị của Trạm BVBM và SĐCKH sắp xếp tổ chức tinh giảm biên chế hệ sự nghiệp.
- Căn cứ quyết định số 227/HĐBT của Hội đồng Bộ Trưởng và công văn Liên ngành 346/LN của ngành tài chính và LĐ TB&H.
- Căn cứ đề nghị của Ông trưởng văn phòng Sở y tế và Lãnh đạo Trạm BVBM và SĐCKH.

() U Y Ế T - D Ị N H

Điều 1: Nay cho 10 (mười) cán bộ nhân viên trạm BVBM và SĐCKH nghỉ việc theo diện dôi ra về địa phương tham gia sản xuất thực hiện mọi quyền lợi nghĩa vụ ngư người công dân.

(Kèm theo danh sách)

Điều 2: Mười cán bộ nhân viên nói ở điều I được hưởng mỗi năm phục vụ 1 (một tháng) lương như mục 12 CVLN 346/LN kể từ ngày 1 tháng 2.1990.

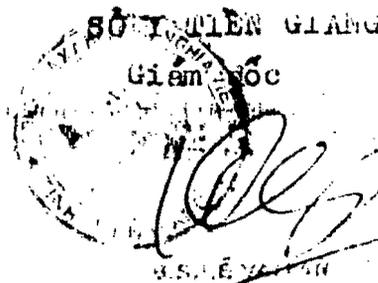
Điều 3: Các Ông trưởng văn phòng Sở y tế, các phòng ban đơn vị có liên quan và mười cán bộ nhân viên có tên ở điều I căn cứ quyết định thi hành.

// / ơi gửi:

Như điều 3

BẮC CỎ (để báo cáo)

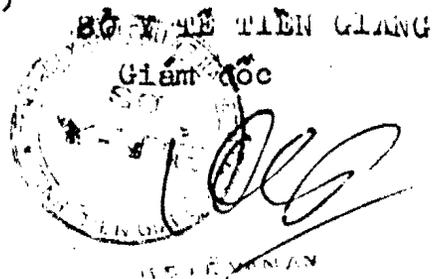
Lưu



Denh sách kèm theo quyết định số : QĐ.HT

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Ngày tham CMạng
1	Bặng thị Phước	Y sĩ	1.1988
2	Lê thị Ngọc Thủy	"	1.1988
3	Trần thị Thu Hà	"	12.1983
4	Lê thị Thom	"	9.1979
5	Lê thị Ánh	"	4.1975
6	Nguyễn thị Ngọc Diệu	"	4.1975
7	Lưu thị Thanh Tùng	DS trung cấp	6.1983
8	Phạm Quang Huy	Độc tá	12.1980
9	Lê văn Sơn	Y sĩ	1.1983
10	Bùi Duy Cầm	DS trung cấp	1979

Tổng số 10 (Mười)



- 15-3-1975 Hoàn Thi Quân Khu 2 rút bỏ Kontum và pleiku xuống phôi Bôn. Lúc đó tôi làm Đại Đội Trưởng Đại Đội 4 Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân. nhận lệnh đánh tái chiếm quân Chuân Mân "Ban mề - Chuột". Đại Đội tôi, tan hoang cách phôi Bôn 7km về hướng Nam giữa rừng, tôi phải lẩn mò mạt 4 ngày mới ra tới phôi Bôn. Lúc đó mới hay cả Quân Khu 2 tan tã, tôi phải tra trăn với dân di tản về tới gia đình ở Mỹ. Cho là ngày 1-5-1975.
- 26-5-1975 ra trình diện tại Mỹ. Cho đi học tập cải tạo.
- 15-6-1975 đưa lên Cao Lãnh cải tạo tập trung Sĩ quan Theo liên lạc Q. Kg Công Sản.
- 20-10-1977 có quyết định ngưng cải tạo, nhưng chưa cho về vẫn còn liệt.
- 15-12-1977 nhận quyết định di tản về, trình diện ở quê Bình Đại "Bến Trè", nơi đây làm cải tạo và quản chế tại chỗ rất là khốc liệt.
- 1-1-1980 tôi bỏ xứ trốn lên Mỹ. Theo Lâm Thi nước sông. Lẩn lờ lo giấu tôi (còn giữ lại đứa con gái tên Phạm Thị Badi Yên. Sau 1974 gởi ở Nội "Bình Đại, Bến Trè" chưa chuyển hồ sơ lên ở Chung Quốc).
- Về nước năm 1975 là tá viên điều dưỡng của Bình viên Mỹ Tho. - nhìn dân còn tàn tật đưa học y-dị - cho qua có quan. Sau để có kế hoạch Tiên Giang Núi Tây bắt đi công tác phòng Trao Trung Bình một ngày đi 30km đi ca nhà - Hèn giờ có danh sách cho nghỉ theo kiểu giam nhân viên.
- * Vì anh lương lý lịch nên gia đình tôi rất là Sa-Sút.
- * Nay tôi làm đơn này xin cả gia đình là 2 vợ chồng và 3 đứa con được đi lính củ tại Hoa Kỳ theo danh sách giữa 2 chính phủ đã ký kết.
- * Những người anh bà con ở cùng quê hương như lên Mỹ - gởi ở Chung Quốc đi học. Khi lớn lên mỗi người đi một đơn vị - thính thướng về phép ghé thăm nhau. Nên những anh này hiểu rất rõ lý lịch tôi từ nhỏ tới lớn năm 1975 mấy anh này qua Mỹ sống. Tôi còn kết Việt - Nam. Mấy anh này sẵn sàng bảo lãnh chính trị cho tôi.

Xin quý ông vui lòng kiểm xét theo đơn xin của tôi.
Cảm ơn . 1.

Chú ý:

- Tháng 7-1988 tôi có nộp hồ sơ theo chương trình O.D.P, gởi địa chỉ Thái Lan
- Tháng 8-1988 tôi có làm 2 hồ sơ gởi Tổ công tác Việt Nam, Số: 6 Chu Văn An Hà Nội.
- Tháng 9-1988 tôi đã nộp hồ sơ phòng xuất Cảnh Tiên Giang VN xin đi định cư Hoa Kỳ - được nhận danh sách. Và hồ sơ gởi lên Bộ Nội vụ để xin kết Trao cho chính phủ Mỹ. ngày 15-1-1990.
- Những người anh sẵn sàng bảo lãnh chính trị cho tôi gồm có:

1. Nguyễn Văn Chua;
2. Phạm Văn Chấn;
3. Phạm Văn Tâm;
4. Nguyễn Văn Phước;
5. Phạm Văn Ngân;

1990
68
FIRST CLASS

MAY 16 1990

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635



.71471

CHUA V. NGUYEN



12

00

12

1990

FIRST CLASS

MAY 16 1990

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

IV# : 271471